

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-31
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12-31



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 08/08/2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch
Ông Trần Mạnh Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Cao Cường	Ủy viên
Ông Vũ Văn Trục	Ủy viên
Ông Trần Nguyên Hùng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Cao Cường	Tổng Giám đốc
Ông Trần Nguyên Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Cảnh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nhữ Đình Thiện	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thanh Tụ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huyền Linh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Cao Cường

Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2014



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được lập ngày 10 tháng 03 năm 2014, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Quốc Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0285-2013-002-1

Lê Đức Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 1628-2013-002-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		284.794.551.302	271.403.699.503
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	152.342.187.433	168.122.991.316
111	1. Tiền		77.934.687.433	70.340.991.316
112	2. Các khoản tương đương tiền		74.407.500.000	97.782.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		125.417.805.625	98.872.582.461
131	1. Phải thu của khách hàng		34.164.928.443	25.218.328.056
132	2. Trả trước cho người bán		130.375.417	1.574.754.015
135	5. Các khoản phải thu khác	4	91.122.501.765	72.079.500.390
140	IV. Hàng tồn kho	5	352.413.976	286.109.210
141	1. Hàng tồn kho		352.413.976	286.109.210
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.682.144.268	4.122.016.516
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.529.613.087	1.036.003.717
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		572.908.406	200.254.087
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	808.564.282	633.178.798
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	3.771.058.493	2.252.579.914
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		233.029.392.032	220.013.143.727
220	II. Tài sản cố định		138.946.343.024	127.325.156.083
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	129.531.255.269	95.506.308.962
222	- Nguyên giá		163.368.335.790	123.715.205.985
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(33.837.080.521)	(28.208.897.023)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	9.415.087.755	9.473.894.676
228	- Nguyên giá		10.111.024.453	9.993.024.453
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(695.936.698)	(519.129.777)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	22.344.952.445
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	88.644.228.254	89.228.601.984
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		87.038.666.254	87.623.039.984
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.605.562.000	1.605.562.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		5.438.820.754	3.459.385.660
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	3.217.382.324	1.406.389.530
268	3. Tài sản dài hạn khác		2.221.438.430	2.052.996.130
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		517.823.943.334	491.416.843.230



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		254.987.099.666	246.970.367.216
310	I. Nợ ngắn hạn		234.987.099.666	246.934.854.216
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	949.426.472	2.045.105.088
312	2. Phải trả người bán		13.193.065.066	20.359.169.941
313	3. Người mua trả tiền trước		15.497.822.105	11.841.029.956
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	13.509.013.739	12.861.591.139
315	5. Phải trả người lao động		3.844.414.873	3.726.070.784
316	6. Chi phí phải trả		2.252.320.717	74.562.000
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	184.584.179.600	194.679.007.633
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.156.857.094	1.348.317.675
330	II. Nợ dài hạn		20.000.000.000	35.513.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	15	20.000.000.000	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	35.513.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		246.529.707.565	229.692.870.354
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	246.529.707.565	229.692.870.354
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		87.044.800.000	87.044.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		33.636.120.654	33.636.120.654
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		9.369.763.914	9.369.763.914
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		116.479.022.997	99.642.185.786
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỞ		16.307.136.103	14.753.605.660
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		517.823.943.334	491.416.843.230

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

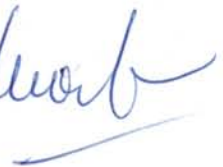
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		2.293.061,66	2.276.881,13



Đoàn Thu Hà
Người lập



Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2014

STTT
CÓN
HCH NH
NG Y
A
DÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	458.496.635.753	331.252.063.227
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		458.496.635.753	331.252.063.227
11	4. Giá vốn hàng bán	18	326.347.423.455	184.750.502.366
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		132.149.212.298	146.501.560.861
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	13.114.512.545	27.194.580.085
22	7. Chi phí tài chính	20	4.368.901.596	2.058.127.631
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		1.894.517.226	192.285.320
24	8. Chi phí bán hàng		2.614.062.517	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		103.231.288.693	129.130.417.095
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		35.049.472.037	42.507.596.220
31	11. Thu nhập khác		907.374.761	1.004.993.736
32	12. Chi phí khác		911.514.704	89.419.426
40	13. Lợi nhuận khác		(4.139.943)	915.574.310
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		12.571.661.411	10.028.045.536
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		47.616.993.505	53.451.216.066
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	12.319.662.574	9.078.473.506
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		35.297.330.931	44.372.742.560
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		5.234.659.312	6.462.475.024
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		<u>30.062.671.619</u>	<u>37.910.267.536</u>
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	3.454	4.566

Đoàn Thu Hà
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤTNăm 2013
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		47.616.993.505	53.451.216.066
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		7.751.934.062	5.683.931.495
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(926.177.104)	(5.543.060.280)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(17.972.625.364)	(23.189.828.198)
06	- Chi phí lãi vay		1.894.517.226	192.285.320
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		38.364.642.325	30.594.544.403
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(28.437.192.200)	(35.686.172.698)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(66.304.766)	(286.109.210)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.241.245.265	21.771.041.409
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.793.744.047)	(450.901.522)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(994.517.226)	(192.285.320)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.564.162.992)	(6.665.170.697)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		875.059.170.880	957.429.264.144
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(892.976.635.204)	(967.661.852.187)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(20.167.497.965)	(1.147.641.678)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(21.210.809.725)	(22.090.623.623)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		510.702.766	787.181.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		18.371.366.653	12.507.294.006
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.328.740.306)	(8.796.148.617)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	4.144.990.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		52.919.974.383	34.265.149.469
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(34.015.652.999)	(32.220.044.381)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.794.200.250)	(12.434.971.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		6.110.121.134	(6.244.876.412)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(16.386.117.137)	(16.188.666.707)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		168.122.991.316	182.384.648.852
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		605.313.254	1.927.009.171
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>152.342.187.433</u>	<u>168.122.991.316</u>



Đoàn Thu Hà
Người lập



Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng




Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm 2013***1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 08/08/2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 87.044.800.000 đồng; tương đương 8.704.480 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Hà Nội	TP Hà Nội	Kinh doanh vận tải, kho vận
Chi nhánh Hải Phòng	TP Hải Phòng	Kinh doanh vận tải, kho vận
Chi nhánh Đà Nẵng	TP Đà Nẵng	Kinh doanh vận tải, kho vận
Chi nhánh Bình Định	TP Quy Nhơn	Kinh doanh vận tải, kho vận

Các công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Cosfi	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Đại lý vận tải
Công ty TNHH SITC Việt Nam	Thành phố Hải Phòng	51,00%	51,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển

Các công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam	Thành phố Hải Phòng	49,98%	98,00%	Dịch vụ logistics

Các công ty liên kết của Công ty được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen Quốc tế (Việt Nam)	Thành phố Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải
Công ty TNHH KCTC Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	23,00%	23,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Đại lý vận tải;
- Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa;
- Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa;
- Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải;
- Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Mua bán thực phẩm tươi sống, hàng thủy sản (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh và phụ kiện;
- Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Vận chuyển hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh);
- Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển;
- Sản xuất bao bì, chèn lót (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc;
- Đóng gói bao bì hàng hóa;
- Mua bán động vật sống, bò sát (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ), hàng thủy, hải sản;
- Mua bán đồ gỗ nội thất, quần áo may sẵn, giày dép; Mua bán gốm sứ, sơn mài và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Mua bán bao bì, chèn lót. Mua bán vỏ container
- Vận tải đa phương thức quốc tế;
- Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ gỗ gia dụng, máy móc, thiết bị, phụ kiện hàng điện tử, điện lạnh (không sản xuất, gia công tại trụ sở);

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

III
ĐỒNG
THIÊM
KIỂM
AS
KIỂM-T

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4 . Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.5 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2.6 . Bất lợi kinh doanh

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5-
Y
TƯ HA
TOA
114

2.7 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.8 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.9 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại dịch vụ chưa hoàn thành.

2.11 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Tháng 8/2013, Công ty đã hoàn thành nâng cấp đưa vào sử dụng tòa nhà văn phòng tại địa chỉ số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tại thời điểm bàn giao đưa vào sử dụng, Công ty đã hạch toán tạm tăng tài sản cố định tòa nhà văn phòng nói trên theo giá trị dự toán đầu tư là 30.603.513.980 đồng do chưa có Quyết toán đầu tư chính thức. Nguyên giá của tài sản cố định nói trên sẽ được điều chỉnh lại khi có Quyết toán đầu tư chính thức và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Công ty tiếp tục trích khấu hao tài sản cố định nói trên trong thời gian sử dụng ước tính là 25 năm tính từ năm 2013 và không điều chỉnh hồi tố khấu hao các năm trước đó.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 447,1 m² đất tại số nhà 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với thời gian sử dụng lâu dài;
- Quyền sử dụng 9.488,4 m² đất tại Lô 39, Đường số 2, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Thành phố Đà Nẵng với thời gian sử dụng 35 năm.

Từ tháng 6/2013, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn không quá 3 năm tài chính.

2.12 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam .

2.17 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.18 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

105
G T
HIỆM
KIẾ
AA
N KI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

C.T.P
ĐU HAN
TOA
SC
14-12

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	3.362.390.257	3.541.844.983
Tiền gửi ngân hàng	73.055.190.383	64.007.639.320
Tiền đang chuyển	1.517.106.793	2.791.507.013
Các khoản tương đương tiền (*)	74.407.500.000	97.782.000.000
	<u>152.342.187.433</u>	<u>168.122.991.316</u>

(*) - Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	24.207.700
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	45.416.666	-
Phải thu các khoản đã chi hộ Freight World Pte. Ltd	15.043.353.001	16.682.531.759
Phải thu hộ cho SITC Container Lines Co.,Ltd	27.536.256.322	27.436.167.285
Phải thu cước phí vận tải cho Freight World Pte. Ltd	8.742.539.837	3.083.776.968
Phải thu cước xuất phòng Air	12.704.359.122	17.714.366.678
Phải thu cước xuất phòng Sea	4.799.104.313	4.493.245.635
Phải thu cước nhập các hãng đại lý	828.022.456	1.075.092.246
Phải thu cước phòng Logistic	7.398.121.989	-
Phải thu khác	14.025.328.059	1.570.112.119
	<u>91.122.501.765</u>	<u>72.079.500.390</u>

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	352.413.976	286.109.210
	<u>352.413.976</u>	<u>286.109.210</u>

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	808.564.282	633.178.798
	<u>808.564.282</u>	<u>633.178.798</u>

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	3.110.371.895	1.721.025.996
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	660.686.598	531.553.918
	<u>3.771.058.493</u>	<u>2.252.579.914</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2013	86.800.204.854	-	33.986.761.181	2.928.239.950	123.715.205.985
Mua sắm	2.317.325.565	1.700.824.420	6.197.512.213	429.708.818	10.645.371.016
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành ⁽¹⁾	30.603.513.980	-	1.524.600.000	-	32.128.113.980
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.789.135.277)	-	(1.789.135.277)
Giảm khác ⁽²⁾	(10.735.455)	-	(12.572.272)	(1.307.912.187)	(1.331.219.914)
Tại ngày 31/12/2013	119.710.308.944	1.700.824.420	39.907.165.845	2.050.036.581	163.368.335.790
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2013	14.889.473.396	-	11.745.634.240	1.573.789.387	28.208.897.023
Trích khấu hao	3.149.038.429	44.021.430	3.994.439.028	387.628.254	7.575.127.141
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.126.846.391)	-	(1.126.846.391)
Giảm khác ⁽²⁾	(10.735.455)	-	(12.572.272)	(796.789.525)	(820.097.252)
Tại ngày 31/12/2013	18.027.776.370	44.021.430	14.600.654.605	1.164.628.116	33.837.080.521
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2013	71.910.731.458	-	22.241.126.941	1.354.450.563	95.506.308.962
Tại ngày 31/12/2013	101.682.532.574	1.656.802.990	25.306.511.240	885.408.465	129.531.255.269

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.919.759.990 đồng

(1) Tháng 8/2013, Công ty tạm tăng tài sản cố định là tòa nhà văn phòng tại địa chỉ số 209 đường Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh theo giá dự toán là 30.603.513.980 đồng. Nguyên giá của tài sản cố định này có thể sẽ thay đổi khi có quyết toán đầu tư chính thức và phê duyệt của các cấp có thẩm quyền. Công ty có cho thuê một phần diện tích từ tòa nhà nói trên nhưng diện tích cho thuê là rất nhỏ so với diện tích Công ty sử dụng nên Công ty không phân loại tài sản là bất động sản đầu tư đối với diện tích văn phòng cho thuê.

(2) Điều chỉnh giá trị còn lại của các tài sản không đủ điều kiện là tài sản cố định sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2013	9.882.524.453	110.500.000	9.993.024.453
Mua sắm	-	118.000.000	118.000.000
Tại ngày 31/12/2013	9.882.524.453	228.500.000	10.111.024.453
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2013	465.018.666	54.111.111	519.129.777
Trích khấu hao	132.862.476	43.944.445	176.806.921
Tại ngày 31/12/2013	597.881.142	98.055.556	695.936.698
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2013	9.417.505.787	56.388.889	9.473.894.676
Tại ngày 31/12/2013	9.284.643.311	130.444.444	9.415.087.755

Trong đó:

- Giá trị quyền sử dụng đất thế chấp cho các khoản vay: 5.365.200.000 đồng.

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	87.038.666.254	87.623.039.984
Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen Quốc tế (Việt Nam)	80.577.365.737	81.781.371.994
Công ty TNHH KCTC Việt Nam	6.461.300.517	5.841.667.990
Đầu tư dài hạn khác	1.605.562.000	1.605.562.000
	88.644.228.254	89.228.601.984

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam) ⁽¹⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải
Công ty TNHH KCTC Việt Nam ⁽²⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	23,00%	23,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải

(1) Hợp đồng Liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI (Bên A), Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ (Bên B), Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service (Bên C). Vốn điều lệ của Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen Quốc tế (Việt Nam) là 600.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Bên A góp 270.000 USD chiếm 45% vốn điều lệ; Bên B góp 36.000 USD chiếm 6% vốn điều lệ và Bên C góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

(2) Hợp đồng Liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI (Bên A), Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn (Bên B), Công ty Cổ phần Tư vấn và Liên kết doanh nghiệp Việt (Bên C), KCTC (Bên D) và Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000233 chứng nhận lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 26/11/2008 vốn điều lệ của Công ty TNHH KCTC Việt Nam là 900.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Bên A góp 207.000 USD chiếm 23% vốn điều lệ; Bên B góp 92.000 USD chiếm 10% vốn điều lệ, Bên C góp 160.000 USD chiếm 18% vốn điều lệ và KCTC góp 441.000 USD chiếm 49%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**Đầu tư dài hạn khác**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam	1.500.000.000	1.500.000.000
Đầu tư trái phiếu	5.000.000	5.000.000
Đầu tư dài hạn khác	100.562.000	100.562.000
	<u>1.605.562.000</u>	<u>1.605.562.000</u>

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.799.680.120	638.389.629
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	196.228.272	753.817.941
Chi phí trả trước dài hạn khác	221.473.932	14.181.960
	<u>3.217.382.324</u>	<u>1.406.389.530</u>

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	949.426.472	2.045.105.088
Ngân hàng TMCP An Bình - Sở Giao dịch ⁽¹⁾	949.426.472	2.045.105.088
	<u>949.426.472</u>	<u>2.045.105.088</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0906/13/TD/I.9 ngày 23/08/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, được quy định trên từng Giấy nhận nợ;
- + Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, thời hạn vay của mỗi món vay được ghi trên Giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể trong từng Giấy nhận nợ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.020.208.113	696.028.450
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.844.717.854	3.089.218.272
Thuế Thu nhập cá nhân	1.005.634.215	1.582.531.498
Các loại thuế khác	7.638.453.557	7.493.812.919
	<u>13.509.013.739</u>	<u>12.861.591.139</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	324.928.042	578.484.216
Bảo hiểm xã hội	110.692.493	17.502.169
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	23.230.939.641	37.823.812.841
Phải trả cước nhập các hãng đại lý	18.049.025.254	20.146.531.386
Phải trả của Chi nhánh Đà Nẵng	5.483.192.899	7.716.738.580
Phải trả của Chi nhánh Hải Phòng	1.632.383.428	1.590.913.826
Phải trả về cước thu hộ hãng tàu	101.367.781.463	90.264.867.455
Phải trả về các khoản thu hộ khác	24.741.168.379	31.272.477.266
Phải trả cước xuất phòng air	739.332.994	-
Phải trả cước xuất phòng Sea	27.436.153	-
Phải trả, phải nộp khác	8.877.298.854	5.267.679.894
	<u>184.584.179.600</u>	<u>194.679.007.633</u>

15 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	20.000.000.000	-
Trái phiếu phát hành (*)	20.000.000.000	-
	<u>20.000.000.000</u>	<u>-</u>

(*) - Trái phiếu chuyển đổi với kỳ hạn 1 năm, lãi suất 9%/năm. Theo đó:

- + Số lượng trái phiếu phát hành: 200.000 trái phiếu, mệnh giá là 100.000 đồng/trái phiếu;
- + Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ;
- + Đối tượng phát hành: Là các tổ chức, cá nhân có uy tín, có năng lực tài chính; Là các tổ chức, cá nhân có đóng góp cho quá trình phát triển của Công ty; Có sự am hiểu về ngành hoạt động và am hiểu về Công ty, có nguyện vọng đóng góp cho sự phát triển lâu dài của Công ty;
- + Mục đích phát hành: Huy động vốn để bổ sung vốn lưu động, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty và mở rộng thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
quận Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

5. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	82.899.810.000	33.636.120.654	33.636.120.654	6.249.192.056	7.264.374.396	78.506.218.091	208.555.715.197				
Tăng vốn	4.144.990.000	-	-	-	-	-	4.144.990.000				
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	37.910.267.536				
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	2.105.389.518	(16.774.299.841)	37.910.267.536				
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(6.249.192.056)	-	-	(14.668.910.323)				
Số dư cuối năm trước	87.044.800.000	33.636.120.654	33.636.120.654	-	9.369.763.914	99.642.185.786	229.692.870.354				
Số dư đầu năm nay	87.044.800.000	33.636.120.654	33.636.120.654	-	9.369.763.914	99.642.185.786	229.692.870.354				
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	30.062.671.619	30.062.671.619				
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(13.225.834.408)	(13.225.834.408)				
Số dư cuối năm nay	87.044.800.000	33.636.120.654	33.636.120.654	-	9.369.763.914	116.479.022.997	246.529.707.565				

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 04/2012/NQ-HDDQT ngày 28/05/2013, về việc phân phối lợi nhuận năm 2012, Công ty công bố việc chia cổ tức như sau:
- Chi trả cổ tức (bằng 15% vốn điều lệ) số tiền: 13.056.720.000 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	31/12/2013	Tỷ lệ	01/01/2013
	(%)	VND	(%)	VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	8,94%	7.780.340.000	13,54%	11.782.440.000
Ông Nguyễn Hoàng Anh	13,10%	11.399.990.000	13,10%	11.399.990.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	5,10%	4.443.400.000	4,53%	3.941.700.000
Vốn góp của các cổ đông khác	72,86%	63.421.070.000	68,84%	59.920.670.000
	100%	87.044.800.000	100%	87.044.800.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	87.044.800.000	87.044.800.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	87.044.800.000	82.899.810.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	4.144.990.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	87.044.800.000	87.044.800.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	13.056.720.000	12.434.971.500
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	13.056.720.000	12.434.971.500

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.704.480	8.704.480
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.704.480	8.704.480
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.704.480	8.704.480
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.704.480	8.704.480
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.704.480	8.704.480
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ dự phòng tài chính	9.369.763.914	9.369.763.914
	9.369.763.914	9.369.763.914

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	458.496.635.753	331.252.063.227
	458.496.635.753	331.252.063.227

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	326.347.423.455	184.750.502.366
	<u>326.347.423.455</u>	<u>184.750.502.366</u>

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	5.260.748.229	7.584.823.550
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4.871.914.900
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.901.867.309	9.184.706.240
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	951.897.007	5.553.135.395
	<u>13.114.512.545</u>	<u>27.194.580.085</u>

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.894.517.226	192.285.320
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.448.664.467	1.855.767.196
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	25.719.903	10.075.115
	<u>4.368.901.596</u>	<u>2.058.127.631</u>

21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	12.319.662.574	9.419.257.476
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(340.783.970)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>12.319.662.574</u>	<u>9.078.473.506</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.089.218.272	675.915.463
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(11.564.162.992)	(6.665.170.697)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	<u>3.844.717.854</u>	<u>3.089.218.272</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	30.062.671.619	37.910.267.536
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	30.062.671.619	37.910.267.536
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.704.480	8.302.473
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.454	4.566

23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.248.330.941	3.256.604.529
Chi phí nhân công	96.857.507.226	93.866.198.584
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.751.934.062	5.683.931.495
Chi phí dịch vụ mua ngoài	301.021.802.850	188.577.484.228
Chi phí khác bằng tiền	22.313.199.586	22.496.700.625
	432.192.774.665	313.880.919.461

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	152.342.187.433	-	168.122.991.316	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	125.287.430.208	-	97.297.828.446	-
Đầu tư dài hạn	1.605.562.000	-	1.605.562.000	-
	279.235.179.641	-	267.026.381.762	-
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			20.949.426.472	2.045.105.088
Phải trả người bán, phải trả khác			197.777.244.666	215.038.177.574
Chi phí phải trả			2.252.320.717	74.562.000
			220.978.991.855	217.157.844.662

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	152.342.187.433	-	-	152.342.187.433
Phải thu khách hàng, phải thu khác	125.287.430.208	-	-	125.287.430.208
Đầu tư dài hạn	-	1.605.562.000	-	1.605.562.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.122.991.316	-	-	168.122.991.316
Phải thu khách hàng, phải thu khác	97.297.828.446	-	-	97.297.828.446
Đầu tư dài hạn	-	1.605.562.000	-	1.605.562.000
	265.420.819.762	1.605.562.000	-	267.026.381.762

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	949.426.472	-	-	949.426.472
Trái phiếu chuyển đổi	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	197.777.244.666	-	-	197.777.244.666
Chi phí phải trả	2.252.320.717	-	-	2.252.320.717
	200.978.991.855	20.000.000.000	-	220.978.991.855

Tại ngày 01/01/2013

Vay và nợ	2.045.105.088	-	-	2.045.105.088
Phải trả người bán, phải trả khác	215.038.177.574	-	-	215.038.177.574
Chi phí phải trả	74.562.000	-	-	74.562.000
	217.157.844.662	-	-	217.157.844.662

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Đường Nguyễn Văn Thủ,
Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

ÁO CÁO BỘ PHẬN

theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động Logistic		Hoạt động Forwarding		Dịch vụ đại lý hàng tàu		Hoạt động khác		Tổng cộng các bộ phận		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	236.321.702.582	113.552.388.463	106.375.198.694	2.247.346.014	458.496.635.753	-	-	-	458.496.635.753	-	-	458.496.635.753
Chi phí bộ phận trực tiếp	211.238.491.130	100.707.383.190	13.412.015.773	989.533.362	326.347.423.455	-	-	-	326.347.423.455	-	-	326.347.423.455
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	105.845.351.210	-	-	(8.745.610.949)	97.099.740.261	-	-	97.099.740.261
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	25.083.211.452	12.845.005.273	92.963.182.921	1.257.812.652	26.303.861.088	-	-	8.745.610.949	35.049.472.037	-	-	35.049.472.037
Tài sản bộ phận trực tiếp	182.859.300.066	87.863.746.953	82.310.232.895	1.738.935.166	354.772.215.080	-	-	-	354.772.215.080	-	-	354.772.215.080
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	163.051.728.254	-	-	-	163.051.728.254	-	-	163.051.728.254
Tổng tài sản	182.859.300.066	87.863.746.953	82.310.232.895	1.738.935.166	517.823.943.334	-	-	-	517.823.943.334	-	-	517.823.943.334
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	111.909.317.462	53.772.337.243	50.373.604.077	1.064.222.861	217.119.481.644	-	-	-	217.119.481.644	-	-	217.119.481.644
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	37.867.618.022	-	-	-	37.867.618.022	-	-	37.867.618.022
Tổng nợ phải trả	111.909.317.462	53.772.337.243	50.373.604.077	1.064.222.861	254.987.099.666	-	-	-	254.987.099.666	-	-	254.987.099.666

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
		VND	VND
Cổ tức được nhận			
Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen Quốc tế (Việt Nam)	Công ty liên kết	13.156.035.090	4.781.914.900

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.255.314.000	2.328.568.000

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán.



Đoàn Thu Hà
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2014